



Tracnghiem CSDL

Cơ sở dữ liệu (Đại học Kinh tế Quốc dân)



Scan to open on Studocu

1. Các bước chính để tạo CSDL: Tạo bảng; Chọn khóa chính cho bảng; Đặt tên bảng và lưu cấu trúc bảng; Tạo liên kết bảng
2. Các bước thực hiện đúng trong câu lệnh SELECT: Tích Đề các, phép toán chọn, theo nhóm, sắp xếp và phép chiếu
3. Các phép toán gộp nhóm được sử dụng sau mệnh đề? GROUP BY
4. Các phép toán trong tổ hợp SELECT- FROM – WHERE:
Tích các quan hệ trong mệnh đề FROM, chọn theo biểu thức sau WHERE và chiếu trên các thuộc tính sau mệnh đề SELECT
5. Các thuộc tính khóa là : Các phần tử của khóa.
6. Cách nhìn cơ sở dữ liệu của người sử dụng bằng: Mô hình ngoài.
7. Cần thiết phải chuẩn hoá dữ liệu vì: Khi thực hiện các phép lưu trữ trên các quan hệ chưa được chuẩn hoá thường xuất hiện các dị thường thông tin.
8. Câu nào **sai** trong các câu dưới đây?
Việc xác định khóa phụ thuộc vào quan hệ logic của các dữ liệu chứ không phụ thuộc vào giá trị các dữ liệu.
9. Cho bài toán: Một công ty có nhiều **cửa hàng**. Các cửa hàng nhận **hàng hóa** trực tiếp từ **nhà cung cấp**, rồi bán trực tiếp cho **khách hàng**. Công ty có một số **trung tâm bảo hành**; **nhân viên** bảo hành chịu trách nhiệm bảo hành cho một số lượng khách hàng. Nhóm nào sau đây liệt kê đầy đủ các thực thể của bài toán quản lý

trên? Cửa hàng; hàng hóa; nhà cung cấp; khách hàng; trung tâm bảo hành; nhân viên.

10. Cho các lược đồ quan hệ sau: $R=(A, B, C)$ và $S = (D, E, F)$. Xét quan hệ $r(R)$; $s(S)$ cùng $r1, r2$ là hai quan hệ trên R . Câu lệnh SQL “select distinct A, F from r, s where $C = D$ ” thực hiện biểu thức đại số quan hệ nào:

$\Pi_{A,F}(\sigma_{C=D}(r \times s))$

11. Cho các lược đồ quan hệ sau: $R=(A, B, C)$ và $S = (D, E, F)$. Xét quan hệ $r(R)$; $s(S)$ cùng $r1, r2$ là hai quan hệ trên R . Câu lệnh SQL “select distinct A from r” thực hiện biểu thức đại số quan hệ nào: $\Pi_A(r)$

12. Cho các lược đồ quan hệ sau: $R=(A, B, C)$ và $S = (D, E, F)$. Xét quan hệ $r(R)$; $s(S)$ cùng $r1, r2$ là hai quan hệ trên R . Câu lệnh SQL “select * from r where $B = 17$ ” thực hiện biểu thức đại số quan hệ nào: $\sigma_{B=17}(r)$

13. Cho các lược đồ quan hệ sau: $R=(A, B, C)$ và $S = (D, E, F)$. Xét quan hệ $r(R)$; $s(S)$ cùng $r1, r2$ là hai quan hệ trên R . Câu lệnh SQL “select * from r1 where (A, B, C) in (select * from r2)” thực hiện biểu thức đại số quan hệ nào: $r1 \cap r2$

14. Cho các lược đồ quan hệ sau: $R=(A, B, C)$ và $S = (D, E, F)$. Xét quan hệ $r(R)$; $s(S)$ cùng $r1, r2$ là hai quan hệ trên R . Câu lệnh SQL “select distinct * from r, s” thực hiện biểu thức đại số quan hệ nào: $\Pi_{A,F}(\sigma_{C=D}(r \times s))$

15. Cho F là tập các phụ thuộc hàm $F = \{A \rightarrow B, B \rightarrow C\}$. Phụ thuộc hàm nào sau đây được suy diễn logic từ F ? : $A \rightarrow C$

16. Cho F là tập các phụ thuộc hàm $F = \{X \rightarrow Y, Y \rightarrow Z\}$. Phụ thuộc hàm $X \rightarrow Z$ được suy diễn logic từ F là căn cứ vào luật nào sau đây của hệ tiên đề Armstrong?

Bắc cầu

17. Cho F là tập các phụ thuộc hàm trên lược đồ quan hệ $R(U)$; F^+ gọi là gì? F^+ là bao đóng của F

18. Cho lược đồ quan hệ KHOA(MaKhoa, TenKhoa, DiaChi, SoDT). Các thuộc tính TenKhoa, DiaChi, SoDT đều phụ thuộc hàm vào MaKhoa. Tập phụ thuộc hàm nào sau đây viết đúng? $\text{MaKhoa} \rightarrow \text{TenKhoa}$, $\text{MaKhoa} \rightarrow \text{DiaChi}$, $\text{MaKhoa} \rightarrow \text{SoDT}$

19. Cho lược đồ quan hệ $R = (Q, F)$ Với $Q = \{ABC\}$; $F = \{AB \rightarrow C, C \rightarrow A\}$. Hãy cho biết bao đóng của B^+ ?

$B^+ = \{B\}$

20. Cho lược đồ quan hệ $R = Q(ABCD)$ và tập phụ thuộc hàm $F = \{AB \rightarrow CD, B \rightarrow C, C \rightarrow D\}$. Nếu xét phụ thuộc hàm $AB \rightarrow C$ thì thuộc tính nào sau đây dư thừa? Thuộc tính A dư thừa

21. Cho lược đồ quan hệ $R = Q(ABCD)$ và tập phụ thuộc hàm $F = \{AB \rightarrow CD, B \rightarrow C, C \rightarrow D\}$. Xét phụ thuộc hàm $AB \rightarrow CD$ thì thuộc tính A dư thừa. Tại sao thuộc tính A lại dư thừa? Tính $B^+ = \{BCD\}$ có chứa CD nên A dư thừa

22. Cho lược đồ quan hệ $R = U(ABCD)$ và tập phụ thuộc hàm $F = \{AB \rightarrow CD, B \rightarrow C, C \rightarrow D\}$. Nếu áp dụng một tính chất của hệ tiên đề cho phụ thuộc hàm thì được tập phụ thuộc hàm nào sau đây? $F = \{AB \rightarrow C, AB \rightarrow D, B \rightarrow C, C \rightarrow D\}$

23. Cho lược đồ quan hệ $R = U(ABCD)$ và tập phụ thuộc hàm $F = \{AB \rightarrow CD, B \rightarrow C, C \rightarrow D\}$. Nếu xét phụ thuộc hàm $AB \rightarrow CD$ thì thuộc tính nào sau đây dư thừa? Thuộc tính A dư thừa. Tại sao thuộc tính A lại dư thừa? **Vi: Tính $B^+ = \{BCD\}$ có chứa CD nên A dư thừa**
24. Cho lược đồ quan hệ $R = U(ABCD)$ và tập phụ thuộc hàm $F = \{AB \rightarrow CD, B \rightarrow C, C \rightarrow D\}$. Nếu xét phụ thuộc hàm $AB \rightarrow CD$ thì thuộc tính nào sau đây dư thừa? **: Thuộc tính A dư thừa**
25. Cho lược đồ quan hệ $R = U(ABCD)$ và tập phụ thuộc hàm $F = \{AB \rightarrow CD, B \rightarrow C, C \rightarrow D\}$. Nếu áp dụng một tính chất của hệ tiên đề cho phụ thuộc hàm thì được tập phụ thuộc hàm nào sau đây? **$F = \{AB \rightarrow C, AB \rightarrow D, B \rightarrow C, C \rightarrow D\}$**
26. Cho lược đồ quan hệ $R(A,B,C,D,E,G)$ với tập các phụ thuộc hàm $F = \{AB \rightarrow C, C \rightarrow B, ABD \rightarrow E, G \rightarrow A, A \rightarrow B, B \rightarrow E, D \rightarrow A, D \rightarrow B\}$. Các phụ thuộc hàm nào sau đây là dư thừa đối với F? **$A \rightarrow B$**
27. Cho lược đồ quan hệ $R(U)$ với $U = (ABCDE)$ và hai tập phụ thuộc hàm F và G. Với tập phụ thuộc hàm $F = \{A \rightarrow BC, A \rightarrow D, CD \rightarrow E\}$; hãy tìm tập phụ thuộc hàm G để F tương đương với G? **$G = \{A \rightarrow BCE, A \rightarrow ABD, CD \rightarrow E\}$**
28. Cho lược đồ quan hệ $SINHVIEN(MaSV, TenSV, NgaySinh, Lop)$. Các thuộc tính TenSV, NgaySinh, Lop đều phụ thuộc hàm vào MaSV. Tập phụ thuộc hàm nào sau đây viết đúng?: **$MaSV \rightarrow TenSV, MaSV \rightarrow NgaySinh, MaSV \rightarrow Lop$**
29. Cho quan hệ $R(SoHD, MaKH, TenKH, DiaChiKH, NgayDathang, \{MaHang, TenHang, SoLuong, ThanhTien\})$. Giả thiết rằng đơn giá của mỗi mặt hàng không thay đổi. Hãy chuẩn hóa quan hệ R về dạng chuẩn 3NF. **Sau khi chuẩn**

hóa đến 3NF chúng ta có 4 quan hệ sau: R11 với U11 = {SoHD, MaKH, NgayDathang}; R12 với U12 = {MaKH, TenKH, DiaChiKH}; R21 với U21 = {SoHoadon, Mahang, SoLuong}; R22 với U22 = {Mahang, Tenhang, DonGia}

30. Cho tập các thuộc tính $U=(A,B,C,D,E,G,H)$ và tập các phụ thuộc hàm $F=\{B\rightarrow A, DA\rightarrow CE, D\rightarrow H, GH\rightarrow C, AC\rightarrow D\}$. Tìm X^+ với $X=\{AC\}$:
 $X^+=(A,C,D,E,G,H)$
31. Cho tập phụ thuộc hàm $F = \{X\rightarrow Z, XY\rightarrow WP, XY\rightarrow ZWQ, XZ\rightarrow R\}$. Hãy cho biết phát biểu sau đây về phụ thuộc hàm $XY\rightarrow WP$ nào là đúng? $XY\rightarrow WP$ không chứa thuộc tính dư thừa về trái
32. Chọn cụm từ thích hợp điền vào chỗ trống: Một lược đồ quan hệ $R = \langle U, F \rangle$ với tập thuộc tính U và tập phụ thuộc hàm F được gọi là nếu $uX \subseteq U, A \in X, X \not\rightarrow A \mid F^+$ thì X chứa khoá của R (X là một siêu khoá). **Dạng chuẩn Boye-Codd (BCNF)**
33. Chọn cụm từ thích hợp điền vào chỗ trống: Một quan hệ R được gọi là ở nếu quan hệ đó: Là 1NF và mọi thuộc tính không khoá của R phải phụ thuộc hàm đầy đủ vào khoá chính. **dạng chuẩn 2 (2NF)**
34. Chọn một khẳng định nào sau đây là đúng nhất : CREATE TABLE mô tả quan hệ và các thuộc tính.
35. Chọn một khẳng định nào sau đây là đúng nhất khi nói về phép giao: Giao của các quan hệ khả hợp là một quan hệ khả hợp

36. Có quan hệ sau: NHANVIEN(Mã NV, Họ tên, Ngày Sinh, Mã Đơn vị). Mã NV đóng vai trò gì trong quan hệ NHANVIEN? **Khóa chính**
37. Cơ sở để chuẩn hoá dựa trên các khái niệm: Phụ thuộc hàm
38. Cơ sở dữ liệu quan hệ được biểu diễn....., các cột là thuộc tính và các hàng là tập n giá trị của thực thể, đối tượng. Hãy chọn từ/cụm từ tương ứng: Dưới dạng các bảng
39. Có thể chèn thêm thông tin một loại cáp khi chưa được lắp đặt ? Không thể được. vì giá trị khoá không xác định
40. $F = \{X \rightarrow Z, XY \rightarrow WP, XY \rightarrow ZWQ, XZ \rightarrow R\}$.
 $XY \rightarrow WP$ không chứa thuộc tính dư thừa về trái
41. Giả sử ta có quan hệ S có 3 thuộc tính ABC, gồm 3 bộ theo thứ tự là: (1, 2, 3); (4, 2, 3); và (5, 3, 3). Tập phụ thuộc hàm đúng trên mọi thể hiện của S là.
 Không thể có vì mỗi tập phụ thuộc hàm chỉ có thể đúng với 1 thể hiện của S
42. Giá trị các thành phần của khoá quy định: Không thể nhận giá trị null hay các giá trị không xác định
43. Hãy cho biết ý kiến nào là đúng. Với một bảng dữ liệu, hệ QTCSDL cho phép:
 Xem mối liên kết giữa bảng đó với các bảng khác, Xem nội dung các bản ghi,
 Xem một số trường của mỗi bản ghi
44. Hãy chọn phương án đúng. Hai bảng trong một CSDL quan hệ liên kết với nhau thông qua: Thuộc tính của các trường được chọn (không nhất thiết phải là khóa)

45. Hãy chọn từ đúng để điền vào chỗ trống: “Ta nói rằng có mối quan hệ giữa hai thực thể hay hai bảng A, B nếu mỗi dòng trong A chỉ tương ứng (có liên quan) với một dòng trong B và ngược lại mỗi dòng trong B chỉ tương ứng với một dòng trong A.”
46. Hãy chọn từ/cụm từ tương ứng để hoàn thiện khẳng định sau: Giá trị các thành phần của khoá ..., Trong dấu "..." là cụm từ nào?
Không thể nhận giá trị null hay các giá trị không xác định
47. Hãy chọn từ/cụm từ tương ứng để hoàn thiện khẳng định sau: Nếu trong câu lệnh SELECT có chứa GROUP BY, hệ thống sẽ ... và thực hiện các phép gộp nhóm. Trong dấu "..." là gì? Phân hoạch quan hệ thành nhiều nhóm tách biệt nhau
48. Hãy chọn từ/cụm từ tương ứng để hoàn thiện khẳng định sau: Phép chiếu quan hệ, tức là từ quan hệ nguồn Bỏ đi một số thuộc tính
49. Hãy chọn từ/cụm từ tương ứng để hoàn thiện khẳng định sau: Quan hệ là..... của một hoặc hữu hạn các miền. Các phần tử của quan hệ là các bộ bộ $(a_1, a_2, a_3, \dots, a_n)$ giá trị thành phần, hay được gọi n bộ. : Một tập con của tích Đề các
50. Hãy chọn từ/cụm từ tương ứng để hoàn thiện khẳng định sau: Trong biểu thức quan hệ các toán hạng là Các quan hệ trong một CSDL
51. Hệ quản trị CSDL - HQTCSDL (DataBase Management System - DBMS) là: Phần mềm điều khiển các chiến lược truy nhập CSDL

52. Hệ tiên đề Armstrong cho các phụ thuộc hàm gồm các quy tắc: Phản xạ, gia tăng, bắc cầu
53. Kết nối bằng nhau các quan hệ theo thuộc tính là: Thực hiện tích Đề Các và phép chọn
54. Kết quả của các thao tác dữ liệu là: Một quan hệ
55. Kết quả của câu lệnh SQL sau đây là gì? `SELECT MaSV, DiemThi FROM Diem WHERE MaMon = 'THUD'`: Đưa ra danh sách gồm Mã sinh viên và điểm thi của các sinh viên học môn THUD từ bảng Diem
56. Khẳng định nào là phụ thuộc hàm: Số chứng minh thư -> Họ và tên
57. Khẳng định nào sau đây về CSDL quan hệ là đúng? Cơ sở dữ liệu được xây dựng trên mô hình dữ liệu quan hệ
58. Khi thực hiện các phép toán trong một biểu thức quan hệ, thứ tự ưu tiên là: Các phép toán một ngôi có thứ tự ưu tiên cao hơn so với phép toán hai ngôi.
59. Liên kết giữa các bảng được dựa trên: Thuộc tính khóa
60. Lược đồ quan hệ SINHVIEN dưới đây không phải ở dạng chuẩn 1NF, vì sao? `SINHVIEN(MSSV, HTEN, QQUAN, SOTHICH)` Có chứa thuộc tính không phải thuộc tính đơn
61. Mệnh đề `GROUP BY ... HAVING`: Phân hoạch các bộ của một quan hệ thành các nhóm riêng biệt và áp dụng các phép toán gộp cho các nhóm.

62. Mô hình ngoài là: Nội dung thông tin của một phần dữ liệu dưới cách nhìn của người sử dụng.
63. Mô hình quan niệm là: Cách nhìn dữ liệu một cách tổng quát của người sử dụng.
64. Mô hình thực thể - liên kết cơ bản bao gồm các lớp đối tượng: Thực thể, mối quan hệ và thuộc tính.
65. Một quan hệ dạng chuẩn 1NF có thể chuyển đổi về nhóm các quan hệ 3NF bằng cách: Loại bỏ các phụ thuộc không đầy đủ vào khoá và bắc cầu vào khoá
66. Mục tiêu của phép tách lược đồ quan hệ là: Nhằm loại bỏ các dị thường thông tin khi thực hiện các phép lưu trữ
67. Nếu $A \rightarrow B$ và $A \rightarrow C$ thì suy ra $A \rightarrow BC$
68. Ngôn ngữ định nghĩa dữ liệu - DDL (Data Definition Language): Được đặc tả bằng một ngôn ngữ, một phần của hệ quản trị cơ sở dữ liệu.
69. Ngôn ngữ thao tác dữ liệu là: Một tập các phép toán dùng để thao tác trên các hệ cơ sở dữ liệu.
70. Người quản trị CSDL là: Một người hay một nhóm người có khả năng chuyên môn cao về tin học, có trách nhiệm quản lý và điều khiển toàn bộ hoạt động của các hệ CSDL
71. Nguyên tắc đánh giá tối ưu hóa biểu thức quan hệ: Ưu tiên thực hiện các phép chiếu và chọn

72. Phép chèn thêm là phép toán: Chèn vào CSDL từ vùng đệm chứa các thông tin về một bản ghi cụ thể.

73. Phép chiếu được thực hiện sau mệnh đề nào trong SELECT - FROM - WHERE: WHERE

74. Phép chiếu PROJECT là phép toán:

Tạo một quan hệ mới, các thuộc tính là các thuộc tính quan hệ nguồn

75. Phép chọn được thực hiện sau mệnh đề nào trong SELECT - FROM - WHERE?

SELECT

76. Phép chọn SELECT là phép toán: Tạo một quan hệ mới, các bộ được rút ra một cách duy nhất từ quan hệ nguồn

77. Phép kết nối JOIN là phép toán: Tạo một quan hệ mới, kết nối nhiều quan hệ trên miền thuộc tính chung.

78. Phép toán tập hợp trong mệnh đề WHERE bao gồm? Các phép số học và các phép so sánh

79. Phép xoá là phép toán: Xoá một bộ hay xoá một nhóm các bộ

80. Phụ thuộc nào sau đây là phụ thuộc đầy đủ: (Số thứ tự, mã lớp) > ; Họ tên sinh viên.

81. Quá trình chuyển quan hệ 1NF về 3NF là quá trình:

Loại bỏ dị thường thông tin và không tổn thất thông tin.

82. Quan hệ 3NF có thể chấp nhận được trong quá trình tìm kiếm, vì: Không xuất hiện di thường thông tin khi thực hiện các phép lưu trữ
83. Quan hệ gồm các thuộc tính mã số, họ tên và địa chỉ ở dạng chuẩn nào ?
Dạng chuẩn 3NF
84. Thứ tự đúng các mức trong mô hình kiến trúc cơ sở dữ liệu: Mức ngoài, mức quan niệm và mức trong.
85. Thứ tự đúng trong câu lệnh SELECT là? SELECT, FROM, WHERE, GROUP BY HAVING, ORDER BY
86. Thực thể là? Các đối tượng dữ liệu
87. Tối ưu hoá câu hỏi bằng cách: Thực hiện các phép chiếu và chọn, tiếp sau mới thực hiện phép kết nối.
88. Tối ưu hoá câu hỏi truy vấn dữ liệu là:
Quá trình biến đổi câu hỏi sao cho chi phí thời gian thực hiện là ít nhất
89. Tối ưu theo nghĩa **biến đổi một biểu thức đại số quan hệ**: Cho cùng một kết quả với chi phí thời gian thực hiện và sử dụng bộ nhớ ít hơn
90. Trong quan hệ dạng chuẩn 3NF:
Không tồn tại các thuộc tính không khoá phụ thuộc đầy đủ vào khoá và sơ đồ bắc cầu.
91. Trong SQL, ngôn ngữ định nghĩa dữ liệu bao gồm các chức năng: Tạo, sửa và xóa cấu trúc quan hệ. Bảo mật và quyền truy nhập.

92. Trong SQL, ngôn ngữ thao tác dữ liệu DML bao gồm các chức năng: Truy vấn thông tin, thêm, sửa, xoá dữ liệu
93. Trường khóa chính là trường: Primary Key
94. Xác định mức độ quan hệ giữa thực thể PHÒNG CÔNG TÁC và thực thể TRƯỞNG PHÒNG? Một PHÒNG CÔNG TÁC được lãnh đạo bởi một TRƯỞNG PHÒNG; ngược lại một người chỉ làm trưởng một PHÒNG CÔNG TÁC. Là mối quan hệ Một – Một
95. Cho lược đồ quan hệ $R = \langle U, F \rangle$ với $U = \{A, B, C, D, E, H, G\}$ và $F = \{AB \rightarrow C, B \rightarrow D, CD \rightarrow E, CE \rightarrow GH, G \rightarrow A\}$. Khẳng định nào sau đây là đúng? $AB \rightarrow G$ thuộc F^+
96. Cho lược đồ quan hệ $R = \langle U, F \rangle$ với $U = \{A, B, C, D, E, F, G, H, I, J\}$ có khóa chính là $\{A, B\}$ và $F = \{AB \rightarrow CDEFGHIJ, A \rightarrow EFGHIJ, F \rightarrow IJ\}$. Hãy chuẩn hóa quan hệ R về dạng chuẩn 3NF. Kết quả chúng ta có có 3 quan hệ: R1 với $U1 = \{ABCD\}$; R21 với $U21 = \{AEFGH\}$ và R22 với $U22 = \{FIJ\}$
97. Chọn cụm từ thích hợp điền vào chỗ trống: Một quan hệ ở nếu quan hệ đó: Là 2NF và các thuộc tính không khoá phải phụ thuộc trực tiếp vào khoá chính (không phụ thuộc bắc cầu vào khoá chính). dạng chuẩn ba (3NF)
98. Cho lược đồ quan hệ $R = U(A, B, C)$ và $F = \{AB \rightarrow C, C \rightarrow A\}$. Phụ thuộc hàm $AB \rightarrow ABC$ được tạo ra từ luật nào sau đây? : Luật tăng trưởng (thêm AB vào phụ thuộc hàm $AB \rightarrow C$)
99. Quan hệ 2NF không thể chấp nhận được trong quá trình tìm kiếm, vì: Có thể không thể chèn thêm thông tin

100. Quá trình tách không làm tổn thất thông tin theo nghĩa: : Quan hệ gốc được khôi phục từ các quan hệ chiếu.bằng phép kết nối tự nhiên
101. Cho lược đồ quan hệ $R = \langle U, F \rangle$ với $U = \{A, B, C, D, E, H, G\}$ và $F = \{AB \rightarrow C, B \rightarrow D, CD \rightarrow E, CE \rightarrow GH, G \rightarrow A\}$. Khẳng định nào sau đây là đúng? $AB \rightarrow E$ thuộc F^+
102. Cho lược đồ quan hệ $R = Q(ABCD)$ và tập phụ thuộc hàm $F = \{AB \rightarrow CD, B \rightarrow C, C \rightarrow D\}$. Hãy cho biết tập phụ thuộc hàm nào sau đây là phủ tối thiểu của F ? ptt $F = \{B \rightarrow C, C \rightarrow D\}$
103. Cho lược đồ quan hệ R với $U = \{ABCDE\}$ và tập phụ thuộc hàm $F = \{AB \rightarrow CE, E \rightarrow AB, C \rightarrow D\}$. Hoi dạng chuẩn cao nhất của quan hệ này là gì? : 2NF
104. Cho 2 quan hệ giữa NHANVIEN và DONVI như sau: NHANVIEN(Mã NV, Họ tên, Ngày Sinh, Mã Đơn vị). DONVI(Mã đơn vị, Tên đơn vị). Mỗi quan hệ giữa NHANVIEN và DONVI là quan hệ nào sau đây? : Quan hệ 1-N
105. Cho lược đồ quan hệ $R = U(A, B, C)$ và $F = \{AB \rightarrow C, C \rightarrow A\}$. Phụ thuộc hàm $BC \rightarrow AB$ được tạo ra từ luật nào sau đây? : Luật tăng trưởng (thêm B vào phụ thuộc hàm $C \rightarrow A$)
106. Cho lược đồ quan hệ $R = U(A, B, C)$ và $F = \{AB \rightarrow C, C \rightarrow A, BC \rightarrow AB, AB \rightarrow ABC\}$. Phụ thuộc hàm $BC \rightarrow ABC$ được tạo ra từ luật nào sau đây? : Luật bắc cầu (từ $BC \rightarrow AB$ và $AB \rightarrow ABC$)
107. Quá trình chuyển quan hệ 1NF về 3NF là quá trình: : Loại bỏ dị thường thông tin và không tổn thất thông tin.

108. Quan hệ R được gọi là dạng chuẩn 1NF, khi và chỉ khi: : Các thuộc tính chỉ chứa các giá trị nguyên tố
109. Có 2 quan hệ sau: NHANVIEN(Mã NV, Họ tên, Ngày Sinh, Mã Đơn vị). DONVI(Mã đơn vị, Tên đơn vị). Mã Đơn vị đóng vai trò gì trong quan hệ NHANVIEN? Khóa ngoại
110. Cho lược đồ $R = \langle U, F \rangle$, với $U = \{A, B, C, D, E, G, H\}$ và $F = \{A \rightarrow BC, BE \rightarrow G, E \rightarrow D, D \rightarrow G, A \rightarrow B, AG \rightarrow BC\}$. Tìm phụ thuộc hàm F tối thiểu (phủ tối thiểu)? : $\{A \rightarrow B, A \rightarrow C, E \rightarrow D, D \rightarrow G\}$
111. Mục tiêu của chuẩn hoá dữ liệu là: : Triệt tiêu mức cao nhất khả năng xuất hiện các dị thường thông tin.
112. Dị thường thông tin là nguyên nhân: : Gây cản trở cho việc tìm kiếm, hỏi đáp thông tin.
113. Một mô hình CSDL được xem là mô hình chuẩn hoá tốt, nếu: Mỗi một thuộc tính không khoá phụ thuộc hàm vào khoá
114. Cho lược đồ $R = \langle U, F \rangle$: $U = \{A, B, C, D, E\}$, $F = \{A \rightarrow B, B \rightarrow C, B \rightarrow DE, A \rightarrow E, A \rightarrow D\}$. Tìm một khóa tối thiểu của lược đồ? The correct answer is: A
115. Phép sửa đổi là phép toán: : Sửa đổi giá trị của một số thuộc tính.
116. Các dòng trong một bảng của cơ sở dữ liệu: Có thể được nạp vào theo thứ tự tùy ý

117. Cơ sở dữ liệu là: Tập hợp dữ liệu có liên quan với nhau theo một chủ đề nào đó được lưu trên thiết bị nhớ của máy tính điện tử để đáp ứng nhu cầu khai thác thông tin của nhiều người.
118. `SELECT MASV, COUNT(MAMON) FROM DIEM GROUP BY MASV`: Đưa ra Mã SV (MASV) và số lượng các môn mà SV đó có kết quả từ bảng DIEM. GROUP BY tạo thành các nhóm dựa trên giá trị của cột MASV
119. Lựa chọn phương án trả lời đúng: “Lệnh SQL được sử dụng để thêm và đưa dữ liệu vào bảng với các giá trị tương ứng với các cột là lệnh...” **INSERT**
120. Chọn phương án đúng điền vào chỗ trống “Mỗi “thuộc tính” của một thực thể được ghi nhận bởi một của một bảng trong CSDL” **Cột**
121. Hàm nào không dùng được trong câu lệnh SQL? : **Mean**
122. Để có kết quả sắp xếp và đưa ra theo thứ tự mã phòng ban (MaPB) tăng và mã cán bộ (Macb) giảm trong bảng Hosob gồm các trường Macb (Varchar 8), MaPB (Varchar 6), Hoten, Gioitinh (Yes/No) ta viết câu lệnh truy vấn nào? : **Select * from Hosob Order by MaPB, Macb Desc**
123. Giả sử có Table Sinhvien(Masv, Hosv, Tensv, Ngaysinh). Trong đó Ngaysinh(datetime). Câu lệnh SQL dưới đây thực hiện công việc gì? `SELECT * FROM Sinhvien WHERE Year(Ngaysinh) BETWEEN 1996 AND 1999`: **Hiện lên tất cả các trường dữ liệu của các sinh viên từ bảng Sinhvien có năm sinh từ 1996 đến 1999**
124. Cho 2 quan hệ giữa NHANVIEN và DONVI như sau: NHANVIEN(Mã NV, Họ tên, Ngày Sinh, Mã Đơn vị). DONVI(Mã đơn vị, Tên đơn vị). Mối quan hệ giữa NHANVIEN và DONVI là quan hệ nào sau đây? : **Quan hệ 1-N**

125. Kết quả của câu lệnh SQL sau đây là gì? `SELECT MASV, MAMON AS THILAI FROM DIEM WHERE DIEMTHI <5`: Đưa ra Mã sinh viên (MASV) phải thi lại (có DIEMTHI nhỏ hơn 5) và Mã môn học (MAMON) từ bảng điểm (DIEM), trong đó cột MAMON được đổi tên thành cột THILAI
126. Cho bảng customer(cat_id, customer_name). Câu lệnh nào sau đây sẽ thực thi thành công? : `SELECT customer_name FROM customers WHERE cat_id = 12 ORDER BY cat_id`;
127. Đây là khẳng định đúng khi nói về AS trong SQL? : Mệnh đề AS được sử dụng để thay đổi tên một cột trong tập kết quả hoặc để gán tên cho một cột dẫn xuất.
128. BETWEEN trong SQL được sử dụng để...? : Chỉ định một phạm vi để kiểm tra.
129. Câu lệnh sau đây thực hiện nhiệm vụ gì? `Select TENHANG From HANGHOA`: Đưa ra TENHANG từ bảng HANGHOA
130. Cho bảng Users gồm các trường Username, Password. Câu lệnh SQL nào sau đây có cú pháp đúng? : `SELECT Username, Password FROM Users`
131. Câu lệnh sau đây thực hiện nhiệm vụ gì? `Select Distinct TENHANG From HANGHOA`: Đưa ra TENHANG và loại bỏ các tên hàng bị trùng lặp từ bảng HANGHOA
132. Đây không phải là một từ khóa hoặc mệnh đề trong SQL? : `INVERT`
133. Cho bảng Chuyen (Chuyến đánh bắt) gồm các cột: MaTau (Mã tàu cá, Text); NgayRaKh (Ngày ra khơi, Date), SanLuong (Sản lượng, Number). Câu lệnh SQL sau đây cho biết điều gì? `SELECT MaTau, Count(*) AS SoChuyen, Sum(SanLuong) AS TongSL FROM CHUYEN GROUP BY MaTau`; : Cho biết: Mã tàu, Số chuyến đánh bắt và Tổng sản lượng của từng tàu.

134. Câu lệnh SQL nào sau đây có cú pháp đúng? : `SELECT CustomerName, COUNT(CustomerName) FROM Orders GROUP BY CustomerName`
135. Kết quả của câu lệnh SQL sau đây là gì? `SELECT MaSV, DiemThi FROM Diem WHERE MaMon = 'THUD'`: Đưa ra danh sách gồm Mã sinh viên và điểm thi của các sinh viên học môn THUD từ bảng Diem.
136. Hàm ABS trong SQL được sử dụng để làm gì? : Trả về giá trị tuyệt đối của biểu thức số.
137. Index trong SQL là gì? : Là một thuộc tính bảng cơ sở dữ liệu, giúp tăng tốc tìm kiếm dữ liệu trong một bảng.
138. Kết quả của câu lệnh SQL sau đây là gì? `SELECT MaSV, DiemKT FROM Diem WHERE DiemKT BETWEEN 8 AND 10`: Đưa ra danh sách từ bảng Diem bao gồm Mã sinh viên và điểm kiểm tra của các sinh viên có DiemKT từ 8 đến 10.
139. Kết quả của câu lệnh SQL sau đây là gì? `SELECT AVG(SOTIET) FROM MON WHERE NHOM='Tự chọn'`: Đưa ra số tiết (SOTIET) trung bình của các môn học nằm trong nhóm 'Tự chọn' từ bảng MON
140. Câu lệnh SQL nào chèn dữ liệu vào bảng Projects? : `INSERT INTO Projects (ProjectName, ProjectDescription) VALUES ('Content Development',`
141. Yếu tố nào đứng sau câu lệnh SELECT trong SQL? : Danh sách các cột được chọn hoặc ký hiệu *
142. Cho bảng SV (MaSV char(4), MaMon char(3), Diem Float, HocBong Float). Cho biết câu lệnh SQL thực hiện cập nhật trường HocBong = 3000000 cho tất cả các sinh viên trong bảng SV có Diem nằm trong khoảng từ 7 đến 8. : `Update SV set HocBong=3000000 Where Diem Between 7 and 8 ;`

143. Câu lệnh SQL sau đây thực hiện công việc gì? `SELECT Khachhang, COUNT(Dondathang) FROM Sales GROUP BY Khachhang HAVING COUNT(Dondathang) >5` : Chọn tất cả khách hàng từ bảng Sales đã thực hiện hơn 5 đơn hàng.
144. LIKE được sử dụng cùng với lệnh nào? : Mệnh đề WHERE
145. Yếu tố nào nằm sau mệnh đề WHERE trong SQL? : Điều kiện cần đáp ứng cho các hàng được trả về.
146. Cho bảng SV (MaSV char(4), MaMon char(3), Diem Float, HocBong Float). Cho biết câu lệnh SQL nào sau đây thực hiện việc xóa trường HocBong? : `Alter Table SV Drop Column HocBong ;`
147. Cho quan hệ HangNhap(MaHang, NgayNhap, SLNhap). Câu lệnh SQL sau thực hiện nhiệm vụ gì? `Select MaHang, Count(*) As SoLanNhap, Sum(SLNhap) As TongSoNhap From HangNhap Group By MaHang` : Cho biết mỗi Mã hàng (MaHang) nhập bao nhiêu lần (SoLanNhap) và tổng số hàng đã nhập (TongSoNhap) của mỗi mã là bao nhiêu.
148. Giả sử có Table Sinhvien(Masv, Hosv, Tensv, Ngaysinh, Phai). Trong đó Ngaysinh(Short date) và PHAI(Yes/no). Để hiển thị danh sách sinh viên gồm các cột : Masv; Hosv; Tensv; Namsinh; Tuoi (Tuoi = Năm hiện tại - năm sinh) từ bảng Sinhvien ta thực hiện câu truy vấn SQL sau: : `Select Masv, Hosv, Tensv, year(ngaysinh) AS Namsinh, Year(Date())- Year(Ngaysinh) As Tuoi From Sinhvien;`
149. Từ khóa SQL nào được sử dụng để chỉ truy xuất các giá trị duy nhất? : `DISTINCT`
150. Nếu không chỉ định ASC hoặc DESC sau mệnh đề ORDER BY thì từ khóa nào được sử dụng theo mặc định? `ASC`

151. Câu lệnh SQL sau đây thực hiện công việc gì? DELETE FROM MON WHERE SOTC>4 Xóa khỏi bảng MON các môn học có số tín chỉ (SOTC) trên 4

152. Cho bảng NHANVIEN(MANV char(4) primary key, HOTEN varchar(40), VITRI varchar(50), SODT varchar(20)). Câu lệnh SQL sau đây thực hiện công việc gì? Update NhanVien Set ViTri = 'Phó Giám đốc' Where Hoten = 'Nguyễn Nam' ; Cập nhật lại trường ViTri của người có tên là Nguyễn Nam trong bảng NhanVien thành Phó Giám đốc.

153.